TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thuỷ

2. Bà Ngô Thị Dịu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 154/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ánh T; sinh năm 1989; thường trú: D khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Quang C; sinh năm 1990; thường trú: Số B đường N, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị Ánh T1 bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ánh T và ông Lê Quang C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25/KH/2014 ngày 22/02/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sinh sống và làm việc tại thành phố D, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà sống hạnh phúc được một thời gian, tới khoảng đầu năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng vợ chồng không tự giải quyết được, vợ chồng thường xuyên bất hòa, tranh cãi gay gắt với nhau. Cuộc sống gia đình trở nên nặng nề, không còn tình cảm, không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn niềm vui, hạnh phúc. Hiện ông bà đã sống ly thân.

Nay bà T xác nhận tình cảm giữa bà và ông Lê Quang C không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung là Lê Trương Bảo A, sinh ngày 12/10/2014; Lê Trương Bảo N, sinh ngày 20/10/2016 và Lê Trương Dạ T2, sinh ngày 10/8/2020. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung Lê Trương Bảo A, Lê Trương Bảo N và Lê Trương Dạ T2 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 06/5/2024 bị đơn ông Lê Quang C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà Trương Thị Ánh T đăng ký kết hôn năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sinh sống và làm việc tại thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cải vã về tiền bạc dẫn đến bạo lực là ông C có tát bà T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung là Lê Trương Bảo A, sinh ngày 12/10/2014; Lê Trương Bảo N, sinh ngày 20/10/2016 và Lê Trương Dạ T2, sinh ngày 10/8/2020.

Ông C không đồng ý ly hôn với bà T vì các con còn nhỏ. Tuy nhiên, trong trường hợp Toà án giải quyết cho ông C và bà T ly hôn thì ông C đồng ý giao 03 con chung Lê Trương Bảo A, Lê Trương Bảo N và Lê Trương Dạ T2 cho bà T nuôi dưỡng và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc tiến hành tố tụng đã đảm bảo tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C đã có những mâu thuẫn trầm trọng, xảy ra bạo lực gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà T yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Về con chung: Các con đang sống cùng bà T và đều có nguyện vọng được ở với mẹ, ông C cũng trình bày trong trường hợp Toà án giải quyết cho ông C và bà T ly hôn thì ông C đồng ý giao các con cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung do các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Trương Thị Ánh T và bị đơn ông Lê Quang C đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ánh T và ông Lê Quang C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25/KH/2014 do Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/02/2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của bà T và ông C thì thực tế cuộc sống vợ chồng bà T và ông C có nhiều mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2023. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau. Ông C có hành vi bạo lực gia đình với bà T. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa bà Trương Thị Ánh T và ông Lê Quang C có 03 con chung là Lê Trương Bảo A, sinh ngày 12/10/2014; Lê Trương Bảo N, sinh ngày 20/10/2016 và Lê Trương Dạ T2, sinh ngày 10/8/2020. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Nguyện vọng của 02 cháu Bảo A và Bảo N cũng muốn được ở với mẹ. Đồng thời, ông C cũng đồng ý trong trường hợp Toà án giải quyết cho ông bà ly hôn thì sẽ giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Vậy nên giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn sẽ bảo đảm quyền lợi của phụ nữ, trẻ em khi vợ chồng ly hôn, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương Thị Ánh T không yêu cầu ông Lê Quang C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của bà Trương Thị Ánh T đối với ông Lê Quang C.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Ánh T chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Đ a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ánh T được ly hôn với ông Lê Quang C (Giấy chứng nhận kết hôn số 25/KH/2014 do Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/02/2014).

2. Về con chung: Buộc ông Lê Quang C giao 03 con chung là Lê Trương Bảo A, sinh ngày 12/10/2014; Lê Trương Bảo N, sinh ngày 20/10/2016 và Lê Trương Dạ T2, sinh ngày 10/8/2020 cho bà Trương Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, bà Trương Thị Ánh T phải tạo điều kiện cho ông Lê Quang C thăm nom con, không ai có quyền cản trở ông Lê Quang C thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị Ánh T về việc không yêu cầu ông Lê Quang C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Ánh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 000282 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

6. Nguyên đơn bà Trương Thị Ánh T và bị đơn ông Lê Quang C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VP, HS (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Thanh